

BÁO CÁO
THAM VẤN - ĐÁNH GIÁ RỦI RO
NGUỒN MŨ NGUYÊN LIỆU KHAI THÁC TỪ CÁC NÔNG TRƯỜNG
NĂM 2023

(Theo các yêu cầu của tiêu chuẩn VFCS/PEFC - ST 1003 ; PEFC - ST 2002
& các quy định của luật pháp Việt Nam)

Thực hiện thông báo số 02/TB-BCĐPTBV về việc tham vấn – thẩm định DDS Hệ thống VFCS/PEFC-FM và chuỗi hành trình sản phẩm PEFC/CoC tại Tổng Công ty, đã được Tổng Giám đốc – Trưởng Ban chỉ đạo Phát triển bền vững ký ngày 06/11/2023. Đoàn tham vấn - thẩm định đã hoàn thành, báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. Các yêu cầu của chương trình tham vấn - thẩm định DDS tại:

10 xã, 02 phường, trên địa bàn 04 Huyện và 01 Thành phố thuộc tỉnh Đồng Nai gồm: Huyện Long Thành, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Định Quán và Thành phố Long Khánh (ngoài ra có gửi thư đến các xã trên địa bàn các Nông trường đóng chân và 01 số ban ngành, viện nghiên cứu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty.

2. Những yêu cầu đặc biệt:

Chương trình tham vấn - thẩm định của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai được thực hiện việc đánh giá sự tuân thủ của các hạng mục về các rủi ro đáng kể về nguồn gốc và chuỗi cung ứng trong tiêu chuẩn VFCS/PEFC - ST 2013 và PEFC - ST 2002.

3. Chương trình đánh giá được thực hiện cho các nông trường bao gồm:

STT	Nông trường	Địa điểm tham vấn -thẩm định	Ghi chú
01	An Lộc	Phường Suối Tre, TP Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai Phường Xuân Lập, TP Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	
02	Bình Lộc	Xã Xuân Thiện, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai	
03	Túc Trung	Xã Túc Trung, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai	
04	Hàng Gòn	Xã Nhân Nghĩa, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai Xã Hàng Gòn, TP Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	
05	An Viễn	Xã Bình An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	
06	Cẩm Đường	Xã Xuân Đường, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai	
07	Cẩm Mỹ	Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai	
08	Long Thành	Xã Lộc An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	
09	Ông Quế	Xã Sông Nhạn, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai	
10	Thái Hiệp Thành	Xã Tân Hiệp, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	

4. Danh sách đoàn tham vấn - thẩm định

STT	Họ và tên	Trình độ học vấn/ Chuyên ngành	Chức vụ	Ghi chú
01	Trần Thanh	Đại học, Tiến sĩ	Phó phòng PTC QLCL	
02	Nguyễn Quang Trường	Đại học	Phó phòng QLCL	
03	Nguyễn Việt Tuấn	Đại học	Phó phòng TTBVQS	
04	Nguyễn Trọng Nhân	Đại học	Quản đốc NM An Lộc	
05	Nguyễn Thành Tâm	Đại học	Quản đốc NM Xuân Lập	
06	Nguyễn Hữu Chánh	Đại học	Quản đốc NM Cẩm Mỹ	
07	Lê Thị Hoài Hương	Đại học	Giám đốc NT Cẩm Mỹ	
08	Phạm Quang Bá	Đại học	Giám đốc NT Cẩm Đường	
09	Phạm Thanh Hải	Đại học	Giám đốc NT Hàng Gòn	
10	Huỳnh Tấn Thọ	Đại học	Giám đốc NT Ông Quế	
11	Lưu Quốc Phong	Đại học	Giám đốc NT Túc Trung	
12	Thái Thị Oanh	Đại học	Giám đốc NT Long Thành	
13	Đặng Thị Hiền Vi	Đại học	Giám đốc NT An Viễn	
14	Nguyễn Thành Khương	Đại học	Giám đốc NT An Lộc	
15	Bùi Văn Sơn	Đại học	Giám đốc NT Bình Lộc	
16	Lê Đắc Tâm	Đại học	Giám đốc NT Thái H Thành	
17	Phạm Đăng Nam	Đại học	Phó phòng QLKT	
18	Lê Thị Minh Nhâm	Đại học	Chuyên viên P.QLCL	
19	Lê Bá Thông	Đại học	Chuyên viên P.QLCL	

5. Thời gian và phương pháp tham vấn - thẩm định

- Thời gian: từ ngày 20/11 đến 30/11/2023.

- Quá trình thực hiện:

5.1 Thu thập thông tin

- Lập danh sách các nông trường với các thông tin về tên thương mại của nguyên liệu, tên thường và tên khoa học của loài cây, khu vực khai thác.

- Xác định tọa độ địa lý của khu rừng trồng bằng hệ thống bản đồ mapinfo, bản đồ địa chính, hàng rào.

- Tiến hành đánh giá hiện trạng tại các nông trường.

- Phỏng vấn các bên liên quan (Chính quyền địa phương, Giám đốc nông trường, Trưởng các phòng, người lao động và người dân địa phương ...)

- Sử dụng dữ liệu từ tham vấn các tổ chức phi chính phủ và tổ chức thuộc chính phủ cơ quan thuộc tỉnh Đồng Nai.

- Tổng hợp các hồ sơ bằng chứng, phiếu phỏng vấn các bên liên quan và kết luận.

5.2 Đánh giá rủi ro

Hiện nay, công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đang quản lý 10 nông trường bao gồm: An Lộc, An Viễn, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, Túc Trung

- Ngoài ra, Tổng Công ty cũng tiến hành thu mua nguyên liệu ở các hộ tiểu điền.

- Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai phân loại 03 nguồn nguyên liệu đầu vào thành 02 nhóm “rủi ro không đáng kể” và ‘rủi ro đáng kể” như sau:

Nguồn nguyên liệu có chứng nhận VFCS/PEFC – nguồn rủi ro không đáng kể: An Lộc, Bình Lộc, Túc Trung, Hàng Gòn.

Nguồn nguyên liệu chưa có chứng nhận: An Viễn, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế.

Nguồn thu mua tiểu điền: Mủ hợp pháp – nguyên liệu khác theo định nghĩa PEFC.

- Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đánh giá rủi ro ở cấp độ rủi ro nguồn gốc và rủi ro ở chuỗi cung ứng cho các nguồn nguyên liệu từ các nông trường chưa được chứng nhận.

- Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai trong quá trình đánh giá rủi ro các chỉ số trong danh sách các “rủi ro đáng kể” và ‘rủi ro không đáng kể” đã tiến hành tham vấn các bên liên quan, hình thức tham vấn của công ty được thực hiện bằng 02 hình thức tham vấn trực tiếp và tham vấn gián tiếp.

6. Danh sách các chỉ số “rủi ro không đáng kể” ở cấp độ nguồn gốc và chuỗi cung ứng

Các chỉ số
<p>a) Các nông trường cung cấp được khai báo đã được chứng nhận về quản lý rừng hoặc chuỗi hành trình sản phẩm bởi một hệ thống chứng nhận khác (không phải do PEFC công nhận) và đã được tổ chức chứng nhận bên thứ ba công nhận.</p> <p>b) Các nguồn cung được xác minh bởi các tổ chức được cấp phép hoặc xác minh của chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ, ngoài các hệ thống chứng nhận rừng, đề cập đến các hoạt động nguồn gây tranh cãi.</p> <p>Hiện nay, Tổng Công ty đang có 04 nông trường có chứng nhận VFCS/PEFC - FM: An Lộc, Bình Lộc, Túc Trung, Hàng Gòn do đó các nông trường này có chỉ số rủi ro không đáng kể.</p>
<p>c) Những nguồn cung cấp có đi kèm với những tài liệu xác minh mà có thể dễ dàng xác định:</p> <p>i. Quốc gia khai thác và / hoặc khu vực địa phương nơi khai thác gỗ, trong đó Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) của Tổ chức minh bạch quốc tế (TI) cao hơn 50, hoặc Chỉ số luật pháp (mức độ thực thi luật pháp) của WJP (dự án tư pháp thế giới) cao hơn 0,5 và</p> <p>ii. Tên thương mại và loại sản phẩm, tên thông thường của loài cây, và tên khoa học nếu có.</p> <p>iii. Tất cả các nhà cung cấp trong cùng một chuỗi cung ứng và</p> <p>iv. Khu vực nơi xuất xứ của nguồn cung cấp đó.</p> <p>v. Các chứng từ hoặc thỏa thuận hợp đồng tuân thủ những quy định liên quan tới các hoạt động được định nghĩa tại “nguồn gây tranh cãi”</p> <p>Không áp dụng N/A</p>

7. Danh sách các chỉ số “rủi ro đáng kể” ở cấp độ nguồn gốc.

Các chỉ số	
<p><i>a. Các hoạt động không tuân thủ luật pháp địa phương, quốc gia hoặc quốc tế về quản lý rừng; bảo vệ thiên nhiên và môi trường; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng; tài sản, quyền sử dụng đất cho người bản địa, cộng đồng địa phương hoặc các bên liên quan khác; sức khỏe, lao động và an toàn; tham nhũng và trả tiền bản quyền và thuế.</i></p> <p>Các nông trường: An Viễn, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế liên quan, Tổng Công ty đã công bố chính sách Chuỗi hành trình Sản phẩm để cam kết việc tuân thủ các điều khoản trong tiêu chuẩn PEFC – CoC, ngoài ra Tổng Công ty cũng còn thực hiện nhiều biện pháp, hoạt động để chứng minh việc Tổng Công ty tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn.</p>	Rủi ro đáng kể
<p><i>i. Chỉ số Nhận thức Tham nhũng (CPI) của quốc gia thấp hơn 50 hoặc Chỉ số luật pháp -WJP của quốc gia thấp hơn 0,5.</i></p> <p>Hiện nay, theo đánh giá của các tổ chức Quốc Tế chỉ số CPI của Việt Nam thấp hơn 50.</p>	Rủi ro đáng kể
<p><i>ii. Quốc gia/vùng lãnh thổ có sự quản lý lâm nghiệp hoặc thực thi các biện pháp lâm nghiệp còn yếu.</i></p> <p>Do chỉ số Nhận thức tham nhũng của Việt Nam thấp hơn 50 theo sự đánh giá của các tổ chức Quốc Tế, do đó có khả năng việc quản lý lâm nghiệp hoặc tuân thủ các quy định của lâm nghiệp còn yếu. Do đó, Tổng Công ty vẫn tự xác định có rủi ro đáng kể ở hạng mục này, do đó Tổng Công ty sẽ đề ra các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.</p>	Rủi ro đáng kể
<p><i>iii. Những loài cây của các nguyên liệu/sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phần định nghĩa “nguồn gốc tranh cãi”</i></p> <p>Các nông trường: An Lộc, An Viễn, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, Túc Trung trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai chỉ trồng, chăm sóc, khai thác, thanh lý cây cao su. Theo CITES, cây cao su không nằm trong danh mục các loài động thực vật quý hiếm hoặc cần phải bảo tồn.</p>	Rủi ro không đáng kể
<p><i>iv. Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất / nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ.</i></p> <p>Việt Nam không nằm trong danh sách cấm vận của tổ chức LHQ hoặc các quốc gia khác.</p>	Rủi ro không đáng kể
<p><i>b. Các hoạt động liên quan đến bền vững của rừng sản xuất (gỗ và lâm sản ngoài gỗ) không được duy trì hoặc mức độ khai thác vượt quá tốc độ có thể được duy trì trong dài hạn.</i></p> <p><i>i. Theo dữ liệu công khai, chẳng hạn như Đánh giá tài nguyên rừng FAO, lượng khai thác gỗ tròn công nghiệp hàng năm vượt quá mức tăng hàng năm của trữ lượng tăng trưởng của quốc gia / khu vực xuất xứ.</i></p>	

<p>Năm 2023, tổng diện tích thanh lý của toàn công ty là 808,6811 ha/31.936,65 ha không quá 10% diện tích của các nông trường, hoạt động thanh lý này tùy theo độ tuổi của cây mà các nông trường thống kê về Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để báo cáo tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam cho thanh lý, và sau đó công ty sẽ thực hiện việc tái canh trồng mới trên diện tích đã thanh lý. Không để diện tích đất trống, giảm thiểu tác động của xói mòn và môi trường.</p>	
<p><i>c. Các hoạt động quản lý rừng không góp phần duy trì, bảo tồn hoặc tăng cường đa dạng sinh học về cảnh quan, hệ sinh thái, loài hoặc mức độ di truyền.</i></p> <p><i>d) Các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái không được xác định, bảo vệ, bảo tồn hoặc bị bỏ qua.</i></p>	<p>Rủi ro đáng kể</p>
<p>Hiện nay, hoạt động trồng cây cao su tại các nông trường của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai không có sự đa dạng sinh học vì khi đến tuổi khai thác, cây cao su sẽ khép tán, chỉ có loài cây nhỏ có thể phát triển dưới tán lá cao su, về đặc tính tự nhiên do cây cao su cần nhiều ánh sáng và nhiều chất dinh dưỡng nên các loại cây khác khó cạnh tranh với nó. Bên cạnh đó, cây cao su cũng không có tính chất hấp dẫn chỉ có một ít các loại sinh vật nhỏ như chim chóc sinh sống, không có các động vật lớn, quý hiếm sinh sống trong rừng nên hệ sinh thái của nó cũng đơn lẻ. Nhìn qua, về tự nhiên, hệ sinh thái rừng cao su khá nghèo cả về sinh vật sản xuất lẫn sinh vật tiêu thụ. Chỉ có một số ít các loại cây bụi, cây nhỏ sinh sống được dưới rừng cao su. Động vật cũng ít, chủ yếu là mối, muỗi, sâu, và một ít loài chim,... Chuỗi thức ăn và các quá trình sinh học trong hệ sinh thái rừng cao su cũng hạn chế hơn do hệ sinh thái vì quá đơn lập. Về mặt xã hội, để đạt hiệu quả cao thì khi trồng cây cao su, các nông trường đã phát hết các loại cây trên diện tích đất đó để cho cây cao su sinh trưởng mạnh mẽ. Sau đó, khi khai thác cây cao su phải đi lại dưới tán cây hàng ngày nên cũng phải giữ môi trường sinh thái đơn lẻ đó để dễ dàng khai thác. Điều đó phần nào làm cho hệ sinh thái ở các rừng cao su có độ đa dạng sinh học thấp và phần nào ảnh hưởng môi trường ở các vùng xung quanh.</p>	
<p><i>i. Chỉ số Hiệu suất Môi trường (EPI) cho Đa dạng sinh học & Môi trường sống của đất nước thấp hơn 50. Trong trường hợp không có chỉ số EPI nào, các chỉ số khác có thể được sử dụng, chẳng hạn các yếu tố gây tranh cãi c và d, kết hợp với bằng chứng thực thi pháp luật đáng tin cậy (điểm TI CPI > 50, hoặc điểm số WJP (Rules of Law) > 0,5)</i></p> <p>Theo đánh giá của các tổ chức Quốc Tế, chỉ số hiệu suất môi trường (EPI) cho Đa Dạng Sinh Học & Môi trường sống của Việt Nam thấp hơn 50.</p>	<p>Rủi ro đáng kể</p>
<p><i>e) Các hoạt động chuyển đổi rừng xảy ra, ngoài các trường hợp hợp lý khi chuyển đổi:</i></p> <p><i>i. tuân thủ chính sách và pháp luật quốc gia và khu vực áp dụng cho sử dụng đất và quản lý rừng;</i></p> <p><i>ii. không có tác động tiêu cực đến các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh</i></p>	<p>Rủi ro không đáng kể</p>

<p><i>thái, các khu vực có ý nghĩa về văn hóa và xã hội hoặc các khu vực được bảo vệ khác; và</i></p> <p><i>iii. không phá hủy các khu vực có trữ lượng carbon cao đáng kể; và</i></p> <p><i>iv. đóng góp cho bảo tồn lâu dài, lợi ích kinh tế và / hoặc xã hội.</i></p> <p>Các nông trường: An Lộc, An Viễn, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, Túc Trung trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai không có hoạt động chuyển đổi đất rừng tự nhiên sang rừng trồng, các nông trường do công ty cao su Đồng Nai quản lý tồn tại trước năm 1975</p> <p><i>v. Quốc gia / khu vực được xác định là đã mất diện tích rừng > 1% trong mười năm gần nhất, theo dữ liệu/ thông tin công khai, như FAO cung cấp.</i></p>	
<p>Hiện nay, theo đánh giá của tổ chức FAO, Việt Nam đang có độ che phủ rừng tương đối thấp do nhiều hoạt động tác động của con người lên các diện tích rừng. Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai quản lý 10 nông trường cao su (rừng sản xuất) với tổng diện tích khoảng 31.936,65 ha, tuy nhiên diện tích này hàng năm đang thu hẹp do hoạt động thanh lý cây già cỗi hoặc bàn giao lại cho địa phương phát triển kinh tế. Các hoạt động thanh lý cây cao su đều theo quy định của Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, trong năm 2023, tổng diện tích thanh lý các cây già cỗi tại các nông trường do công ty quản lý để tái canh trồng mới vào dưới 10% tổng diện tích công ty quản lý.</p> <p><i>vi. Ở quốc gia / khu vực, diện tích có chuyển đổi từ rừng sang rừng trồng vượt quá mức tăng diện tích rừng của quốc gia / khu vực hoặc thông tin công khai, như FAO cung cấp.</i></p> <p>Các nông trường: An Lộc, An Viễn, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, Túc Trung trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai không có hoạt động chuyển đổi đất rừng tự nhiên sang rừng trồng, các nông trường do cao su Đồng Nai quản lý tồn tại trước năm 1975.</p>	
<p><i>f) Các hoạt động về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998) - ILO không được đáp ứng.</i></p> <p>Các nông trường: An Lộc, An Viễn, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, Túc Trung trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai là đơn vị trực thuộc của tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc của công ty đều phải tuân thủ các quy chế của tập đoàn, phù hợp các luật định của Việt Nam và quốc tế.</p>	<p>Rủi ro không đáng kể</p>
<p><i>g) Các hoạt động của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa (2007) không được đáp ứng.</i></p> <p>Trong quá trình xây dựng hệ thống thẩm định, Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đã thực hiện các hoạt động tham vấn các bên liên quan tại các nông trường đưa vào nguồn có kiểm soát, các tổ chức trong nước, chính phủ và phi chính phủ để xác định người dân tộc trong khu vực. Các khuyến nghị của các tổ chức này được Tổng công ty tổng hợp trong <i>Danh sách và kết quả tham vấn các bên</i></p>	<p>Rủi ro không đáng kể</p>

<i>liên quan</i>	
<p><i>h) Nguồn gốc gây tranh cãi</i></p> <p>Cây cao su tại các nông trường: An Lộc, An Viễn, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, Túc Trung trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai không phải là cây biến đổi, không nằm trong danh mục các loài cây tranh cãi.</p>	Rủi ro không đáng kể
<p><i>i) Các giống loài biến đổi gen</i></p> <p>Cây cao su tại các nông trường: An Lộc, An Viễn, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, Túc Trung trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai không phải là cây biến đổi gen, không phải loài cây nằm trong danh mục các loài cây quý hiếm cần phải bảo vệ.</p>	

8. Danh sách các chỉ số “rủi ro đáng kể” ở cấp độ chuỗi cung ứng

Các chỉ số	
<p><i>a) Các quốc gia / khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định.</i></p> <p>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai trực thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, đang trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thành phẩm, Tổng công ty đang bán các sản phẩm của mình đến các thị trường nội địa và quốc tế.</p>	Rủi ro không đáng kể
<p><i>b) Những loài trong sản phẩm chưa được xác định.</i></p> <p>Các nông trường: An Lộc, An Viễn, Bình Lộc, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế, Túc Trung trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao Su Đồng Nai chỉ sử dụng cây cao su trong hoạt động sản xuất và thương mại mủ thành phẩm.</p>	Rủi ro không đáng kể
<p><i>c) Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một đơn vị nông trường nào trong chuỗi cung ứng.</i></p> <p>Các nông trường đều trực thuộc sự quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đều tuân thủ các quy định của công ty, của pháp luật Việt Nam, không có khiếu nại khiếu kiện của các bên liên quan. Nếu có các khiếu nại liên quan đến hoạt động của các nông trường, Tổng công ty sẽ thực hiện Quy trình xử lý khiếu nại để giải quyết.</p>	Rủi ro không đáng kể

9. Quản lý rủi ro và các điểm quan ngại

Qua đánh giá rủi ro ở cấp độ nguồn gốc và cấp độ chuỗi cung ứng, đoàn thẩm định xác định các nông trường của công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai đang được đưa vào nguồn có kiểm soát PEFC bao gồm: An Viễn, Cẩm Đường, Cẩm Mỹ, Long Thành, Thái Hiệp Thành, Ông Quế đang có rủi ro đáng kể trong danh sách rủi ro đáng kể về cấp độ nguồn gốc. Tổng công ty đưa ra các biện pháp kiểm soát đối với 06 nông trường chưa có chứng nhận này. Theo các hướng dẫn của tiêu chuẩn PEFC liên quan đến các quốc gia có chỉ số CPI thấp (PEFC GD 2001), tổ chức phải đưa ra các bằng chứng liên quan: quy tắc ứng xử, danh sách luật áp dụng, các hồ sơ đánh giá tác động môi trường, chính sách người lao động,

hồ sơ thuê, thương mại hải quan, quyền của người dân địa phương, quy trình giải quyết các xung đột để chứng minh tổ chức tuân thủ các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế hiện hành. Các bằng chứng và biện pháp kiểm soát được công ty đưa ra dựa vào việc tham vấn các bên liên quan, tổng hợp hồ sơ và việc tuân thủ thực hiện các biện pháp kiểm soát một cách đầy đủ.

Ngoài ra, trong hệ thống quản lý, Tổng công ty cũng có các bằng chứng, hồ sơ liên quan để cam kết các hoạt động của công ty là tuân thủ pháp luật và minh bạch đáp ứng các chỉ tiêu để hạn chế các chỉ số về CPI:

Hạng mục: Hoạt động lâm nghiệp và khai thác, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý các khu vực có giá trị văn hóa và môi trường cao được chỉ định; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm cả yêu cầu của Công ước CITES.		
Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
<ul style="list-style-type: none"> • Tài liệu liên quan đến quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất • Thỏa thuận hợp đồng, giao khoán. • Các cam kết của tổ chức về việc tuân thủ hoạt động lâm nghiệp và khai thác. • Các kế hoạch khai thác được chấp thuận • Các quy tắc ứng xử (nếu có) • Thông tin (có sẵn) công khai thể hiện sự giám sát chặt chẽ về luật pháp và quy trình kiểm soát và theo dõi. • Ngành lâm nghiệp không gắn với xung đột vũ trang bạo lực, bao 	Quyền quản lý/sử dụng đất Luật áp dụng hiện hành <ul style="list-style-type: none"> • 45/2013/QH13 • 43/2014/ND-CP • 83/2010/ND-CP • 168/2016/ND-CP • 23/2014/TT-BTNMT • 02/2015/TT-BTNMT • 30/2014/TT-BTNMT 	Quyền sở hữu/ quyền sử dụng <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra sổ đỏ phù hợp với luật pháp Việt Nam, Tổng Công ty phối hợp với Trung tâm địa chính thuộc Sở TNMT xác định ranh giới, chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nông trường thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai. - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai. cũng tham vấn với các bên liên quan bao gồm chính quyền địa phương về ranh giới các nông trường chưa có chứng nhận, quản lý đất, tranh chấp đất đai. - Tổng Công ty không có các tranh chấp về đất đai với người dân. Công ty luôn tạo điều kiện để người dân được ký biên bản giáp ranh với phần diện tích giáp với các nông trường Tổng Công ty quản lý. - Hiện nay, Tổng Công ty Cao su Đồng Nai chưa đưa các nhà cung cấp là các hộ tiểu điền vào trong hệ thống thẩm định DDS
	<u>Kế hoạch quản lý khai thác và vận chuyển:</u> 1) Luật pháp Việt Nam đang áp dụng:	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai quản lý 10 nông trường đang trồng và khai thác mù cây cao su.

<p>gồm đe dọa an ninh quốc gia hoặc khu vực và / hoặc liên quan đến kiểm soát quân sự.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tài liệu được ban hành chính thức bởi các cơ quan có thẩm quyền tại một quốc gia khai thác: 	<ul style="list-style-type: none"> • 27/2018/TT-BNNPTNT. • 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp • 2-CP • 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT • 38/2007/TT-BNN • 87/2009/TT-BNN PTNT • 28/2018/TT-BNNPTNT • 330/2016/TT-BTC • 37/2014/TT-BCT 	<p>Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai ban hành các quy định liên quan đến kế hoạch quản lý khai thác và vận chuyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng Công ty có kế hoạch khai thác mỏ của các nông trường, kể cả nông trường có chứng nhận và chưa có chứng nhận. - Tổng Công ty có lịch điều phối lượng mỏ của các nông trường về các nhà máy chế biến đáp ứng hoạt động SXKD.
<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá tác động môi trường. • Các kế hoạch quản lý môi trường. • Báo cáo đánh giá tác động môi trường. • Báo cáo kiểm kê rừng • Giấy phép xuất khẩu CITES. • Có những cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến ngành lâm nghiệp đang phải đối mặt với lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc 	<ul style="list-style-type: none"> • 17/2015/QĐ-TTg • 49/2016/QĐ-TTg • 2242/QĐ-TTg • 178/2001/QĐ-TTg • QPN/14-92 (200/QĐ-KT) • 2198/CNR 	<p>Quá trình khai thác mỏ được thực hiện đúng theo quy trình thu gom, bảo quản, nghiệm thu và vận chuyển nguyên liệu, cán bộ phụ trách của các nông trường tiến hành nhận dạng mỏ từ vườn cây bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nông trường, Số tank, tách riêng nguyên liệu có chứng nhận FM và nguyên liệu CS, hợp pháp - Xe vận chuyển do nông trường quản lý chở mỏ tươi về nhà máy. Các xe đều có hồ sơ quản lý của nông trường như: giấy phép phương tiện, đăng kiểm, tải trọng xe, tên tài xế phụ trách vận chuyển. - Cán bộ phụ trách nông trường nhà máy lưu giữ các số liệu liên quan đến mỏ nguyên liệu - Tại các nhà máy chế biến, cán bộ phụ trách tiếp nhận lượng mỏ chưa có chứng nhận, với các giấy tờ, số liệu từ các nông trường, sẽ tiến hành đổ vào các hồ có nhận dạng. - Tổng Công ty thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc khai thác mỏ tại các nông trường và vận chuyển mỏ đến nhà máy. Việc kiểm tra này sẽ do Tổng Công ty hoặc xí nghiệp chế biến lập tổ kiểm tra, kiểm soát quá trình. <p>Đối với mỏ của tiểu điền về nhà máy được tách biệt, không cho trộn lẫn vào trong hệ thống mỏ có chứng nhận của 04 nông trường có chứng nhận và 06 nông trường được đưa vào nguồn có kiểm soát.</p> <p>Kiểm soát việc ô nhiễm trong quá</p>

		<p>trình vận chuyển mù gây nên: Tuyên truyền, nhắc nhở các xe vận chuyển mù trước khi lăn bánh xe phải khô ráo, không được để nước chảy trên đường, đi đúng tốc độ quy định, tránh gây ảnh hưởng đến người dân địa phương khu vực nông trường.</p> <p>Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư các bể xử lý nước thải từ hoạt động khai thác mù tại các trạm thu mù của tất cả 10 nông trường.</p> <p>Ngoài ra, vấn đề rác thải tại khu vực khai thác mù, công ty tập huấn</p>
		<p>hướng dẫn người lao động phân loại rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại và rác thải tái chế. Riêng rác thải do người dân bỏ vào trong các lô cao su, công ty có quy chế phối hợp với địa phương để tuyên truyền nhắc nhở, xử phạt các trường hợp bỏ rác không đúng nơi quy định.</p> <p>Tổng Công ty đang áp dụng thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015. Công ty đang chú trọng công tác cải tạo các nhà tổ, các hồ xử lý nước thải để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường.</p> <p>Trong việc khai thác chế biến lâm sản, công ty bổ sung thông tư 27/2018/BNNPTNT trong Quản lý theo quy định Thủ tục khai thác, tác động thấp và thanh lý rừng cao su</p>
<p>Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của Công ty:</p> <p>1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC: Đoàn đánh giá đã kiểm tra là kết luận các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.</p> <p>2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành: Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Công ty, các nhà máy chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành. Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của công ty, các nhà máy chế biến và tại các nông trường trực thuộc.</p> <p>3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Công ty Đoàn đánh giá kiểm tra các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty bằng việc phỏng vấn các bên liên quan (chính quyền địa phương, hộ dân xung quanh nông trường, ...) các</p>		

biện pháp của Công ty đã đảm bảo việc kiểm soát các rủi ro.

Ngoài ra, trong quá trình kiểm tra thực địa, đoàn đánh giá cũng ghi nhận các ý kiến đóng góp của các hộ dân cũng như chính quyền địa phương về hoạt động trồng, chăm sóc khai thác cây cao su. Các ý kiến đóng góp liên quan đến các hoạt động đóng góp các phúc lợi cho cộng đồng. Tổng Công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động để hỗ trợ cho cộng đồng: Việc làm, phúc lợi, điện, đường, trường, trạm. Tuy nhiên sẽ phụ thuộc vào điều kiện của Tổng Công ty để có các hoạt động hỗ trợ cộng đồng phù hợp.

Tổng Công ty có kế hoạch thực hiện xử lý các vấn đề môi trường tại các nông trường và quy chế phối hợp với chính quyền địa phương.

Các biện pháp kiểm soát của công ty là phù hợp.

Hạng mục: An toàn lao động sức khỏe

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
<p>(a) Các quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể có được tôn trọng?</p> <p>(b) Có bằng chứng xác nhận không sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc lao động?</p> <p>(c) Có bằng chứng không sử dụng lao động trẻ em?</p> <p>(d) Có bằng chứng xác nhận không phân biệt đối xử trong việc làm và/hoặc nghề nghiệp, và/ hoặc giới tính?</p> <p>(e) điều kiện làm việc không đảm bảo an toàn lao động sức khỏe?</p> <p>(f) là nước ký kết các công ước tổ chức lao động quốc tế ILO</p>	<p><u>Luật áp dụng hiện hành</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • The guideline of FAO Reduced Impact Logging (RIL) published by Vietnam Forestry Administration in 2007. • 10/2012/QH13 • 58/2014/QH13 • 96/2008/QĐ-BNN • 07/2016/TT-BLĐTBXH • 25/2008/QH12 • 45/2013/ND-CP • 11/2014/TT-BCA • 14/1998/TTLT • 09/2000/BYT • 27/2013/TT-BLĐTBXH • 36/2012/TT-BLĐTBXH • 26/2013/TT-BLĐTBXH • 05/2012/TT-BLĐTBXH • 10/2008/CT-TTg • 06/2014/TT-BLĐTBXH • 04/2014/TT-BLĐTBXH • 54/2015/TT-BLĐTBXH • 19/2019/TT-BYT 	<p>Tổng Công ty có danh sách về cán bộ CNV của công ty, xí nghiệp chế biến và 10 nông trường, có hợp đồng lao động, bảng lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.</p> <p>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai ban hành các quy định về An toàn lao động sức khỏe áp dụng cho xí nghiệp chế biến và các nông trường do Tổng Công ty quản lý.</p> <p>Định kỳ Tổng Công ty tổ chức đối thoại định kỳ giữa người sử dụng lao động, và người lao động bằng hình thức đối thoại riêng biệt theo chuyên đề, và đối thoại kết hợp với hội nghị người lao động hàng năm. Việc xây dựng và ký kết thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, Tổng Công ty đã lấy ý kiến của người lao động, đồng thời phổ biến thỏa ước tới người lao động sau khi ký kết thỏa ước. Các chính sách cam kết của Tổng Công ty với người lao động đều được ban hành, phổ biến đến toàn thể CB-CNV.</p>

Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, nhà máy chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của Tổng Công ty, nhà máy chế biến và tại các nông trường trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty

Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn người lao động về chế độ làm việc, phúc lợi của Tổng Công ty và nông trường và cả điều kiện làm việc đáp ứng đầy đủ và cao hơn so với mặt bằng chung của địa phương

Công nhân làm việc cho Tổng Công ty luôn được tập huấn an toàn lao động – sức khỏe nghề nghiệp, có chế độ thâm niên.

Tổng Công ty không sử dụng lao động gia thuộc và trẻ em trong hoạt động của mình.

Các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty là phù hợp.

Hạng mục: Quyền người bản địa (người dân địa phương), tài sản, quyền sở hữu đất đai của người dân tộc

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
<p>Các Đánh giá tác động môi trường. Kế hoạch quản lý môi trường. Báo cáo kiểm tra môi trường Các thỏa thuận trách nhiệm xã hội? Có người bản địa và/ hoặc các dân tộc truyền thống trong khu vực được đánh giá không? Có dấu hiệu vi phạm các quyền hợp pháp và tập quán của người bản địa/ các dân tộc truyền thống không? Có các quy định trong Công ước ILO 169 và UNDRIP được thi hành trong</p>	<p><u>Luật áp dụng hiện hành:</u></p> <ul style="list-style-type: none">• 178/2001/QĐ-TTg• 45/2013/QH13• 38/2014/TT-BNNPTNT	<p>Tổng Công ty xác định rõ người dân tộc trong các huyện, tỉnh, phỏng vấn chính quyền về người dân tộc hiện hữu trong khu vực, quyền của người bản địa, lao động trong khu vực, xung đột hay mâu thuẫn giữa người đồng bào và người Kinh.</p> <p>Tổng Công ty tham vấn với chính quyền địa phương, ban dân tộc, kiểm lâm địa bàn về việc đối xử công bằng giữa người Kinh (đa số) và người đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là Châu Ro và số ít người Hoa - số người dân tộc này không đáng kể, đã hòa nhập với cuộc sống người dân địa phương, không còn giữ các giá trị truyền thống văn hóa nữa.</p> <p>Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra xung đột liên quan đến sở hữu đất đai hoặc quyền sử dụng đất đối với các hộ dân sống giáp ranh với các nông trường.</p>

<p>khu vực có liên quan không? Có bất kỳ luật, quy định, hoặc quy trình được công nhận nào để giải quyết các mâu thuẫn đáng kể về quyền người bản địa hoặc các dân tộc truyền thống hoặc các cộng đồng có quyền truyền thống không? Việc giải quyết xung đột được chấp thuận rộng rãi bởi các bên liên quan có hợp lý và công bằng không?</p>		

Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Công ty

Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn, lấy ý kiến tham vấn từ địa phương để thống kê người đồng bào dân tộc trong khu vực.

Các đóng góp của Tổng Công ty đối với người dân địa phương về lao động và các đãi ngộ nếu có.

Các biện pháp kiểm soát của công ty là phù hợp.

Hạng mục: Thuế GTGT & các loại thuế doanh thu khác

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Phải lưu giữ các hồ sơ về thuế	Luật áp dụng hiện hành • 45/2009/QH12	Tổng Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam về

phí trong hoạt động của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> • 32/2013/QH13 • 71/2014/QH13 • 31/2013/QH13 • 50/2010/ND-CP • 12/2015/NĐ-CP • 218/2013/ND-CP • 45/2014/ND-CP • 46/2014/ND-CP • 76/2014/TT-BTC • 77/2014/TT-BTC • 201/2013/TT-BTC • 205/2013/TT-BTC 	<p>các loại thuế.</p> <p>Tổng Công ty lưu giữ đầy đủ các giấy tờ về thuế và thuế doanh thu khác. Thuế kiểm toán độc lập kiểm toán hằng năm công khai.</p> <p>Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng năm cho người lao động.</p>
---------------------------------	--	---

Hạng mục: Thương mại và thủ tục hải quan

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
<p>Tổ chức phải lưu giữ:</p> <p>Các hợp đồng mua bán</p> <p>Các chứng từ tài chính ngân hàng, hoạt động thương mại,</p> <p>Giấy phép xuất nhập khẩu (nếu có)</p> <p>Các hóa đơn chứng từ xuất nhập.</p> <p>Danh sách các quốc gia, công ty bị cấm xuất nhập khẩu.</p> <p>Quota xuất khẩu (nếu có)</p>	<p>Luật áp dụng hiện hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 45/2009/QH12 • 32/2013/QH13 • 71/2014/QH13 • 31/2013/QH13 • 50/2010/ND-CP • 12/2015/NĐ-CP • 218/2013/ND-CP • 45/2014/ND-CP • 46/2014/ND-CP • 76/2014/TT-BTC • 77/2014/TT-BTC • 201/2013/TT-BTC • 205/2013/TT-BTC 	<p>Quy trình bán hàng và thực hiện theo giá sàn mà tập đoàn yêu cầu tuân thủ công khai.</p> <p>Tổng Công ty lưu các hồ sơ liên quan đến các hoạt động thương mại và thủ tục hải quan. Hoạt động lưu hồ sơ của Tổng Công ty được lưu giữ trong 5 năm.</p>

Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật

của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty

Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn dựa vào kết quả của việc đánh giá nội bộ hàng năm để xem xét việc tuân thủ của các bộ phận liên quan trong hoạt động quản lý của Tổng Công ty.

Các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty là phù hợp.

Hạng mục: Việc sử dụng loài biến đổi gen

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Giấy phép xuất khẩu Nhận định rõ ràng loài	<ul style="list-style-type: none">• 11/2006/QĐ-TTg.• 69/2010/NĐ-CP.• 69/2009/TT-BNNPTNT.• 72/2009/TT-BNNPTNT.• 21/2012/TT-BKHCN.• 08/2013/TT-BTNMT.• 02/2014/TT-BNNPTNT.	<p>Theo thông tư 40/2013/TT-BNNPTNT ban hành về Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước CITES về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thì cây cao su không phải loài cây được đề cập.</p> <p>Tổng Công ty cam kết không có thương mại hoặc sử dụng các loài cây GM trong khu vực được đánh giá và quản lý.</p> <p>Tổng Công ty có thống kê các giống loài đang còn lại trong các lô cao su, Tổng Công ty lập ra các biện pháp bảo vệ các giống loài cần bảo vệ.</p>

Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty

Các biện pháp kiểm soát của Tổng Công ty là phù hợp.

Hạng mục: Chuyển đổi rừng tự nhiên thành rừng trồng hay từ rừng sang trồng hoa màu (cây nông nghiệp).

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Yêu cầu của	- 29/2004/QH11	Tổng Công ty kiểm tra sổ đỏ, giấy

tiêu chuẩn PEFC: không được chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng hoặc mục đích sử dụng ngoài rừng.	- 18/2015/NĐ-CP - 23/2006/NĐ-CP - 43/2014/NĐ-CP - 21/2016/TT-BNNPTNT. - 27/2018/TT-BNNPTNT	giao khoán đất của các nông trường phù hợp với luật pháp Việt Nam và yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC. Tham vấn với chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn kiểm tra lại các ranh giới đất đai của các nông trường. Kiểm tra toàn bộ các hợp đồng giao khoán đất, thuê đất từ tập đoàn, cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với yêu cầu của luật pháp và yêu cầu tiêu chuẩn PEFC.
---	--	---

Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

Các kết quả tham vấn và các hồ sơ liên quan đến nguồn gốc đất Tổng Công ty không có hoạt động chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của Tổng Công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc.

Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của Công ty

Đoàn đánh giá kết luận các biện pháp của công ty đã thực hiện kiểm soát nguyên liệu, không có sự trộn lẫn nguyên liệu hoặc có diện tích đất chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng.

Nơi nhận:

- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban chỉ đạo PTBV;
- Tổ CCR; Tổ CoC XNCB và NT;
- Lưu: VT, BCDPTBV.

NGƯỜI BÁO CÁO

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THANH
 PHÓ BAN CHỈ ĐẠO
 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỖ MINH TUẤN
 TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG